

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018; dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 – 2021

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015, Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021, Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách năm 2019;

Trên cơ sở kết quả thu, chi ngân sách 9 tháng năm 2018, dự báo tình hình kinh tế - xã hội, khả năng huy động nguồn thu ngân sách nhà nước trong các năm 2019, 2020, 2021; UBND tỉnh báo cáo tình hình ước thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2018, dự toán thu, chi NSNN năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021, với nội dung sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NSNN NĂM 2018

Thực hiện Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 6 về dự toán thu, chi và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2018; UBND tỉnh đã triển khai giao dự toán ngân sách năm 2018 cho các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tại Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 và ban hành một số giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2018 tại Quyết định số 4289/QĐ-UBND ngày 07/12/2017.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, UBND tỉnh đã bám sát tình hình thực tế, kịp thời chỉ đạo, đề ra các giải pháp tăng cường công tác quản lý thu nộp ngân sách; chi ngân sách địa phương được điều hành chặt chẽ, theo dự toán chi và tiến độ thu; công tác thanh tra, kiểm tra, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tăng cường. Ngoài ra, tình hình kinh tế cả nước nói chung, tỉnh Quảng Nam nói riêng tiếp tục có tăng trưởng, thị trường tài chính tiền tệ ổn định, lạm phát được kiểm soát, an sinh xã hội được đảm bảo, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ... nên có nhiều thuận lợi trong việc động viên các nguồn lực vào ngân sách nhà nước và điều hành chi ngân sách theo dự toán.

Kết quả thực hiện thu, chi NSNN năm 2018 với các nội dung chính sau:

A. VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

I. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

Dự toán NSNN trên địa bàn năm 2018 được HĐND tỉnh thông qua là 19.676 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện thu NSNN trên địa bàn 9 tháng đầu năm 2018 là 17.889 tỷ đồng, đạt 90,9% dự toán.

Ước thực hiện thu NSNN năm 2018 trên địa bàn tỉnh là 21.745 tỷ đồng, đạt 110,5% so với dự toán, tăng 9,4% so với số thu năm 2017. Cụ thể:

ĐVT: Tỷ đồng

Số TT	Chỉ tiêu	TH 2017	DT 2018	TH 9 tháng 2018	ƯTH năm 2018	So sánh ƯTH /DT 2018 (%)	So sánh ƯTH 2018 /TH 2017 (%)
	Tổng cộng	19.884	19.676	17.889	21.745	110,5	109,4
1	Thu nội địa	14.605	15.476	13.762	17.274	111,6	118,3
1.1	Thu tiền sử dụng đất.	1.086	700	715	912	130,0	84,0
1.2.	Thu từ XSKT.	75	76	65	80	105,3	106,2
1.3	Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất và thu XSKT	13.444	14.700	12.982	16.282	110,8	121,0
2	Thu xuất nhập khẩu.	5.279	4.200	4.126	4.471	106,5	84,7

1. Thu nội địa

Dự toán thu nội địa năm 2018 là 15.476 tỷ đồng, trong đó thu tiền sử dụng đất, thu XSKT: 776 tỷ đồng, dự toán thu nội địa không kể tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết: 14.700 tỷ đồng.

Kết quả thu nội địa 9 tháng đầu năm là 13.762 tỷ đồng, đạt 88,9% dự toán, thu nội địa không kể tiền sử dụng đất, thu XSKT: 12.982 tỷ đồng, đạt 88,3% dự toán.

Ước thực hiện thu nội địa năm 2018 trên địa bàn tỉnh: 17.274 tỷ đồng, đạt 111,6% dự toán, tăng 18,3% so với số thu năm 2017; trong đó thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất, thu XSKT là 16.282 tỷ đồng, đạt 110,8% dự toán, tăng 21% so với số thu năm 2017.

Cụ thể các nguồn thu chủ yếu sau:

a) Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: 9 tháng thu được 695 tỷ đồng, đạt 77% dự toán, bằng 91,4% so cùng kỳ.

Đóng góp quan trọng số thu ở khu vực này là các nhà máy thủy điện, trong những tháng đầu năm các nhà máy thủy điện đủ nước phát theo công suất thiết kế, kể từ tháng 6 đến nay do thời tiết khô hạn dẫn đến sản lượng điện thương phẩm sụt giảm mạnh làm giảm số nộp ngân sách của khối này. 9 tháng các nhà máy thủy điện đạt sản lượng 2.805 triệu Kwh, nộp ngân sách 486 tỷ đồng, giảm 76,5 tỷ đồng so cùng kỳ, một số nhà máy thủy điện có số nộp giảm mạnh so với

cùng kỳ: Thủy điện Sông Bung 4, Sông Bung 2 nộp 60,2 tỷ đồng, giảm 24,9 tỷ đồng; Sông Tranh 2 nộp 68 tỷ, giảm 41,8 tỷ đồng; Đăkmi 4 nộp 132,6 tỷ đồng, giảm 14 tỷ đồng... .

Ngoài ra, một số doanh nghiệp lớn ngoài các nhà máy thủy điện có số nộp giảm so cùng kỳ như: Chi nhánh xăng dầu Khu vực V, Chi nhánh Tổng công ty Giao thông 5, Điện lực Quảng Nam...; số thu từ Chi nhánh thông tin di động Quảng Nam và Viễn thông Quảng Nam không phát sinh số nộp ngân sách do việc thay đổi cơ chế phân bổ thuế đầu vào của các Tập đoàn viễn thông cho các Chi nhánh tại các địa phương.

Trên cơ sở tiến độ thu 9 tháng, ước thu năm 2018 ở khu vực này là 902 tỷ đồng, đạt 100% dự toán, bằng 83,4% so với số thu năm 2017, trong đó thu từ hoạt động các nhà máy thủy điện nộp 640 tỷ đồng, chỉ đạt 95,5% dự toán.

b) Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: 9 tháng thu được 88,4 tỷ đồng, đạt 68% dự toán, bằng 86% so với cùng kỳ; nguồn thu từ khu vực này chưa đạt tiến độ dự toán là do một số doanh nghiệp trọng điểm có số nộp không đạt tiến độ dự toán và giảm so với cùng kỳ như: Đội Yên sào Hội An nộp 5,7 tỷ đồng chỉ đạt 37% dự toán, giảm 3,5 tỷ đồng; Công ty CP công trình GTVT Quảng Nam nộp 54 tỷ đồng, chỉ đạt 41,7% dự toán, giảm 5 tỷ đồng; Công ty phát triển hạ tầng KCN Chu lai nộp 5,9 tỷ đồng, giảm 5,8 tỷ đồng.... Một số doanh nghiệp sau khi thực hiện cổ phần hóa chuyển sang khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh, nên số nộp ngân sách giảm dần.

Trên cơ sở tiến độ và khả năng nộp ngân sách của các doanh nghiệp trọng điểm, ước thu năm 2018 ở khu vực này là 130 tỷ đồng, đạt 100% dự toán, bằng 93% so với số thu năm 2017.

c) Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 9 tháng thu được 1.120 tỷ đồng, đạt 85,3% dự toán, tăng 76% so với cùng kỳ. Số thu ở khu vực này vượt tiến độ là do:

Nguồn thu chủ yếu ở khu vực này là số thu nộp của Công ty TNHH nhà máy Bia Heneiken Việt Nam - Quảng Nam thu vượt tiến độ, sản lượng 9 tháng đạt 64,5 triệu lít, nộp ngân sách 653,5 tỷ đồng, đạt 87,8% dự toán, tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ. Một số doanh nghiệp trọng điểm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước giải khát, may mặc, dịch vụ sân golf và nguồn thu thuế nhà thầu nước ngoài... tiếp tục duy trì mức nộp ngân sách khá như: CN Công ty nước giải khát Suntory nộp 39,8 tỷ đồng, Công ty cổ phần sân golf Indochina Hội an nộp 25,9 tỷ đồng, Công ty TNHH Indochina Resort nộp 45,4 tỷ đồng, Công ty Sedo vinaco nộp 35,2 tỷ đồng, Nhà thầu nước ngoài nộp 79,6 tỷ đồng...

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh doanh, tiến độ nộp ngân sách, ước thu năm 2018 ở khu vực này là 1.591 tỷ đồng, đạt 121% dự toán, tăng 73% so với số thu năm 2017.

d) Thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh: 9 tháng thu được 9.185 tỷ đồng, đạt 85,3% dự toán, tăng 35% so với cùng kỳ. Số thu ở khu vực này vượt tiến độ thu do:

Theo lộ trình cắt giảm thuế theo Hiệp định thương mại tự do ASEAN, từ ngày 01/01/2018 nhiều loại hàng hóa nhập khẩu từ các nước ASEAN, trong đó có ô tô du lịch nhập khẩu nguyên chiếc có mức thuế suất nhập khẩu giảm từ 30% về 0%, tuy nhiên do dòng xe nhập khẩu chưa đáp ứng được điều kiện quy định tại Nghị định 116/2017/NĐ-CP ngày 17/10/2017 của Chính phủ, nên tình hình tiêu thụ xe ô tô du lịch của Công ty Trường Hải trong 9 tháng đầu năm 2018 đạt khá, 02 Công ty sản xuất và lắp ráp ô tô du lịch Trường Hải đã tiêu thụ 51.692 xe (trong đó xe sản xuất: 49.879, xe nhập khẩu bán ra 1.813 xe), tổng số thuế đã nộp ngân sách là 7.490 tỷ đồng, đạt 92,3 % kế hoạch nộp ngân sách năm 2018.

Các doanh nghiệp ngoài ô tô có số nộp ngân sách khá và tăng so cùng kỳ, như: Công ty TNHH MTV Phân phối ô tô Trường Hải nộp 157,5 tỷ đồng, tăng 25,6 tỷ đồng; Công ty CP Phước Thịnh nộp 30,7 tỷ đồng tăng 11,4 tỷ đồng; Công ty CP tập đoàn Thai Group nộp 22,6 tỷ đồng tăng 13,6 tỷ đồng... Ngoài ra các khoản thu hoạt động XDCB vãng lai, thu qua công tác thanh tra, kiểm tra nộp ngân sách trên 178 tỷ đồng.

Căn cứ tình hình thu như phân tích, ước thu năm 2018 ở khu vực này là 11.300 tỷ đồng, đạt 105% dự toán, tăng 22,7% so với số thu năm 2017.

đ) Lệ phí trước bạ: Thu 9 tháng được 249 tỷ đồng, đạt 99,8% dự toán, tăng 42,8% so với cùng kỳ. Khoản thu này vượt tiến độ dự toán chủ yếu do thị trường bất động sản những tháng đầu năm sôi động, hoạt động chuyển nhượng bất động sản tăng; tình hình tiêu thụ ô tô 9 tháng đầu năm đạt khá.

Ước thu năm 2018 là 302,2 tỷ đồng đạt 120,9% dự toán, tăng 24,6% so với số thu năm 2017.

e) Thuế thu nhập cá nhân: 9 tháng thu được 358 tỷ đồng, đạt 94,2% dự toán, tăng 32,8% so với cùng kỳ. Nguồn thu này vượt tiến độ dự toán do tình hình kinh tế cả nước nói chung và tỉnh Quảng Nam nói riêng tiếp tục ổn định và có tăng trưởng, nên thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một số doanh nghiệp tăng; ngoài ra, tỉnh chỉ đạo tập trung quản lý thu thuế đối với người nước ngoài làm việc tại các dự án trên địa bàn phải kê khai quyết toán thuế theo pháp luật thuế Việt Nam góp phần thu ở khu vực này đạt và vượt dự toán. Bên cạnh đó, thị trường bất động sản, hoạt động chuyển nhượng bất động sản sôi động góp phần tăng thu đối với sắc thuế này

Trên cơ sở số nộp 9 tháng và đánh giá tình hình 3 tháng cuối năm, ước thu năm 2018 là 452,2 tỷ đồng đạt 119% dự toán, tăng 23% so với số thu năm 2017.

g) Thu phí lệ phí: 9 tháng đầu năm thu được 263,5 tỷ đồng, đạt 263,5% dự toán, nguồn thu tăng cao do phí tham quan tăng.

Ước thu năm 2018 là 326,7 tỷ đồng, tăng 15,5% so với số thu năm 2017, trong đó phí tham quan là 210 tỷ đồng.

h) Tiền sử dụng đất: 9 tháng thực hiện được 714,9 tỷ đồng, đạt 102% dự toán, nguồn thu này vượt dự toán chủ yếu các khoản thu nộp tiền sử dụng đất một lần là 122 tỷ đồng (Công ty CP Vinpearl nộp 38,2 tỷ; Công ty TNHH Hoàng Tiên nộp 19,9 tỷ đồng; Công ty cổ phần Bách Đạt An nộp 18,9 tỷ đồng;

Công ty TNHH Chí Thành nộp 12 tỷ đồng; Công ty TNHH xây dựng Chu Lai Quảng Nam nộp 8,6 tỷ đồng...) và ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất của Công ty TNHH Phát triển Nam Hội An: 12,5 tỷ đồng.

Ước thu năm 2018 là 911,7 tỷ đồng, đạt 130% dự toán, bằng 84% so với số thu năm 2017.

k) Tiền thuê đất: 9 tháng đầu năm đã thực hiện được 336 tỷ đồng, đạt 210%, tăng 194% cùng kỳ, do ngoài công tác đơn độc thu tiền thuê đất theo Bộ thuế hằng năm còn có phát sinh số tiền thuê đất nộp 1 lần của các dự án: Công ty TNHH Tân Nhật Minh nộp 16,8 tỷ đồng, Chi nhánh Công ty Xăng dầu khu vực V - tại Quảng Nam nộp 10,3 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Da Nang Plastic nộp 9,7 tỷ đồng.... và ghi thu, ghi chi tiền thuê đất của Công ty TNHH Nam Hội An là 198,8 tỷ đồng.

Ước thu năm 2018 là 374 tỷ đồng đạt 233% dự toán, tăng 40,7% so với số thu năm 2017.

2. Thu thuế xuất nhập khẩu: ước thu năm 2018 là 4.471 tỷ đồng, đạt 106,4% dự toán.

Số thu phát sinh chủ yếu từ nhập khẩu bộ linh kiện, linh kiện rời ô tô, nguyên liệu, thiết bị của công ty ô tô Trường Hải (chiếm trên 93% số thu thuế xuất nhập khẩu), ước thực hiện số thu nhập khẩu phát sinh năm 2018 là 5.165 tỷ đồng. Tuy nhiên, do thực hiện hoàn thuế theo chương trình ưu đãi thuế theo Nghị định 125/2017/NĐ-CP của Chính phủ dự kiến là 1.007 tỷ đồng, số còn lại nộp ngân sách là 4.158 tỷ đồng.

Các mặt hàng còn lại (nguyên liệu sản xuất vôi, nguyên liệu sản xuất gạch men, hạt nhựa, nhựa đường, bột soda...) nộp ngân sách: 313 tỷ đồng.

(Kèm biểu đánh giá thực hiện thu NSNN theo lĩnh vực năm 2018)

II. THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Dự toán thu cân đối ngân sách địa phương năm 2018, HĐND tỉnh giao là 19.992 tỷ đồng, bao gồm: Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 13.682 tỷ đồng, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 2.465 tỷ đồng, thu chuyên nguồn từ năm trước chuyển sang: 3.845 tỷ đồng.

Ước thực hiện năm 2018 là 28.523 tỷ đồng, tăng 42,7% dự toán, gồm:

1. Thu nội địa ngân sách địa phương được hưởng: Ước thực hiện là 15.360 tỷ đồng, đạt 112,3% dự toán; ước thực hiện thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất và thu XSKT: 14.368 tỷ đồng, vượt thu so dự toán: 1.463 tỷ đồng, gồm:

- Ngân sách cấp tỉnh vượt thu: 1.143 tỷ đồng.

- Ngân sách cấp huyện, cấp xã vượt thu 320 tỷ đồng.

Có 13 địa phương vượt thu, với tổng số tiền: 425,6 tỷ đồng, trong đó các địa phương có số vượt thu cao: Hội An: 206,9 tỷ đồng; Điện Bàn: 74,6 tỷ đồng, Duy Xuyên: 54,2 tỷ đồng, Tam Kỳ: 25,2 tỷ đồng, Nông Sơn: 15 tỷ đồng, Thăng Bình: 13 tỷ đồng, Phú Ninh: 10,8 tỷ đồng.

Dự kiến có 5 địa phương hụt thu, với tổng số tiền 105,5 tỷ đồng, gồm: huyện Núi Thành: 56,7 tỷ đồng, Nam Giang: 23,8 tỷ đồng, Phước Sơn: 10,3 tỷ đồng, Đông Giang: 9,4 tỷ đồng, Bắc Trà My: 5,3 tỷ đồng.

Khi kết thúc niên độ ngân sách, UBND tỉnh xác định chính xác số vượt thu và sẽ có phương án sử dụng cụ thể báo cáo Thường trực HĐND tỉnh thống nhất sử dụng và trình HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất, trong đó có thưởng vượt thu, bù hụt thu, cấp lại 50% tiền thuế đất nộp một lần theo Nghị quyết HĐND, cấp lại 30% phần vượt thu nguồn thu mới và lớn cho các địa phương.

2. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 2.619 tỷ đồng, đạt 106,3% dự toán, trong đó:

- Bổ sung có mục tiêu theo dự toán đầu năm 2.465 tỷ đồng.
- Bổ sung ngoài dự toán 154 tỷ đồng, gồm: Kinh phí thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững: 0,335 tỷ đồng; kinh phí thực hiện Chương trình biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh 0,7 tỷ đồng; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp cơ sở theo Quyết định 124/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 4,8 tỷ đồng; kinh phí xử lý cấp bách các công trình hồ chứa bị hư hỏng do ảnh hưởng bão, lũ năm 2017 và các hồ chứa có nguy cơ mất an toàn cao trong mùa mưa, lũ năm 2017: 10 tỷ đồng; kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ: 25,4 tỷ; kinh phí chính sách giáo dục đối với người khuyết tật năm 2017 và BHYT năm 2016: 112,8 tỷ đồng.

3. Thu kết dư: 1.187,5 tỷ đồng, trong đó:

a) Thu kế dư ngân sách tỉnh: 91,3 tỷ đồng.

Kết dư ngân sách tỉnh năm 2017 là 95,8 tỷ đồng: Thu vào ngân sách năm 2018 là 91,2 tỷ đồng để trả nợ gốc là 74,6 tỷ, trả lãi vay: 11,9 tỷ đồng, cân đối chi năm 2019: 4,7 tỷ đồng; trích lập Quỹ dự trữ tài chính: 4,6 tỷ đồng.

b) Thu kết dư ngân sách cấp huyện: 914,2 tỷ đồng.

c) Thu kết dư ngân sách cấp xã: 182,1 tỷ đồng.

4. Thu chuyển nguồn: 9.356,5 tỷ đồng, trong đó:

- Chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh: 6.775,5 tỷ đồng.
- Chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện: 2.261 tỷ đồng.
- Chuyển nguồn của ngân sách cấp xã: 320 tỷ đồng.

(Nội dung chi tiết đã nêu tại Báo cáo số 174/BC-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về quyết toán NSNN năm 2017)

(Kèm theo biểu đánh giá cân đối ngân sách địa phương năm 2018)

B. VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

Dự toán tổng chi ngân sách địa phương năm 2018 HĐND giao là 20.068 tỷ đồng, ước thực hiện tổng chi ngân sách địa phương năm 2018 là 25.933 tỷ đồng, đạt 129% so dự toán. Số tăng chi chủ yếu từ nguồn năm 2017 sang tiếp tục thực hiện và quyết toán trong năm 2018 theo quy định.

I. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương là 17.603 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 18.917 tỷ đồng, đạt 107% dự toán, gồm:

1. Chi đầu tư phát triển

Dự toán chi đầu tư phát triển HĐND tỉnh giao là 2.501 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 4.420 tỷ đồng, đạt 177% so với dự toán (chưa bao gồm 1.962 tỷ đồng từ nguồn cải cách tiền lương bố trí chi đầu tư). Cụ thể:

- Chi đầu tư cho các dự án là 4.340 tỷ đồng, đạt 179% dự toán.

Chi đầu tư cho các dự án đạt tỷ lệ cao do ước thực hiện sử dụng nguồn vốn năm 2017 chuyển sang tiếp tục thực hiện và quyết toán trong năm 2018 theo quy định.

- Chi cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là 80 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

2. Chi thường xuyên.

Dự toán chi thường xuyên HĐND tỉnh giao là 11.544 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 11.739 tỷ đồng, đạt 102% dự toán, phần chi tăng thêm chủ yếu từ nguồn năm 2017 chuyển sang và quyết toán trong năm 2018.

Các nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách được đảm bảo thực hiện theo dự toán, giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách cho các đối tượng. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện, một số nhiệm vụ chi qua thẩm định phân bổ thấp hơn dự toán; kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, các kế hoạch, chương trình của UBND tỉnh thấp hơn so với dự nguồn. Mặt khác, một số nhiệm vụ chi thực hiện chế độ, chính sách an sinh xã hội tăng thêm được điều chuyển sang nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Chính phủ..., nên dự kiến ngân sách tỉnh tiết kiệm được nguồn kinh phí chi thường xuyên so với dự toán đầu năm là 800 tỷ đồng.

Cụ thể như sau:

- Chi quốc phòng: dự toán HĐND tỉnh giao là 183 tỷ đồng, ước thực hiện 193 tỷ đồng, đạt 106% dự toán, do ngân sách các cấp sử dụng nguồn kinh phí năm 2017 chuyển sang để thực hiện mua sắm sửa chữa và tăng chi để thực hiện diễn tập khu vực phòng thủ khối huyện và quyết toán vào năm 2018.

- Chi an ninh: dự toán HĐND tỉnh giao là 82,5 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 83,4 tỷ đồng, đạt 101% dự toán, do bổ sung kinh phí mua sắm trang phục cho công an xã trong năm 2018.

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề: dự toán HĐND tỉnh giao là 4.329 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 4.365 tỷ đồng, đạt 101% dự toán, do chi từ nguồn năm 2017 chuyển sang và quyết toán trong năm 2018.

Các chế độ, chính sách về giáo dục - đào tạo được giải quyết kịp thời, một số chế độ, chính sách qua thẩm định phân bổ thấp hơn dự toán (kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ; kinh phí thực hiện chế độ học bổng cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ, kinh phí thực hiện chế độ cho giáo viên theo

Nghị định số 116/2010/NĐ-CP của Chính phủ, kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi, học bổng cho học sinh dân tộc nội trú...) được chuyển sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: dự toán HĐND tỉnh giao 1.109 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 1.158 tỷ đồng, đạt 104% dự toán, do chi hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng từ nguồn năm trước chuyển sang.

- Chi khoa học và công nghệ: dự toán HĐND tỉnh giao 40,3 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 77,9 tỷ đồng, đạt 193% dự toán, do một số nhiệm vụ chi năm 2017 chưa thực hiện xong được chuyển nguồn sang năm 2018 tiếp tục thực hiện và quyết toán theo quy định.

- Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: dự toán HĐND tỉnh giao 218 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 218 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán.

- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: dự toán HĐND tỉnh giao 48,4 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 48,5 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: dự toán HĐND tỉnh giao 87 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 87 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: dự toán HĐND tỉnh giao 1.026 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 1.026 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

- Chi hoạt động kinh tế: dự toán HĐND tỉnh giao 2.035 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 2.054 tỷ đồng, đạt 101% dự toán, do một số nhiệm vụ chi năm 2017 chưa thực hiện xong được chuyển nguồn sang năm 2018 tiếp tục thực hiện và quyết toán theo quy định.

Tuy nhiên, trong điều hành ngân sách và qua thẩm định phân bổ một số nhiệm vụ chi cụ thể đã tiết kiệm so dự toán và kinh phí thực hiện các Nghị quyết HĐND tỉnh, kế hoạch, chương trình của UBND tỉnh và một số nhiệm vụ chi thấp hơn dự nguồn (Kinh phí thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Nam theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; kinh phí thực hiện Nghị quyết 12/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về phát triển miền núi; kinh phí thực hiện cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động cho các chương trình, dự án trọng điểm và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh,...) nên tiết kiệm nguồn sự nghiệp này.

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: dự toán HĐND tỉnh giao là 171,5 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 137,4 tỷ đồng, đạt 80% so với dự toán, do dự nguồn để thanh toán chi phí đốt rác nhưng trong năm chưa phát sinh.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: dự toán HĐND tỉnh giao 2.151 tỷ đồng, ước thực hiện: 2.208 tỷ đồng, đạt 103% so với dự toán, do thực hiện thanh toán từ nguồn chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018.

- Chi khác ngân sách: dự toán HĐND tỉnh giao 63,9 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018: 81 tỷ đồng, đạt 127% so với dự toán HĐND tỉnh giao, do thực hiện thanh toán từ nguồn năm 2017 chuyển sang và các huyện, thị xã, thành phố bố trí từ nguồn tăng thu để thực hiện.

c) Chi trả lãi do chính quyền địa phương vay: dự toán HĐND tỉnh giao 11,9 tỷ đồng, ước thực hiện: 11,9 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

d) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: dự toán HĐND tỉnh giao 1,45 tỷ đồng, ước thực hiện: 1,45 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

đ) Chi dự phòng ngân sách: dự toán HĐND tỉnh giao 512 tỷ đồng, ước thực hiện: 312 tỷ đồng, đạt 61% dự toán, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: dự toán 406 tỷ đồng, ước chi: 206 tỷ đồng, còn lại 200 tỷ đồng.

- Ngân sách cấp huyện, cấp xã: dự toán: 106 tỷ đồng, ước chi: 106 tỷ đồng.

e) Chi từ nguồn cải cách tiền lương là 2.433 tỷ đồng, để thực hiện:

- Bổ sung vốn đầu tư phát triển là 1.962 tỷ đồng.

- Chi thực hiện tiền lương và chính sách an sinh xã hội tăng thêm là 471 tỷ đồng.

II. CÁC KHOẢN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

Dự toán HĐND tỉnh giao là 2.464 tỷ đồng, ước thực hiện: 3.889 tỷ đồng, tăng 58% dự toán, cụ thể:

1. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: dự toán HĐND tỉnh giao 472,9 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018: 499,7 tỷ đồng, tăng 6% so dự toán, trong đó:

- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: dự toán HĐND tỉnh giao 246,9 tỷ đồng, ước thực hiện: 246,9 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao (chi đầu tư: 177,1 tỷ đồng, chi thường xuyên: 69,8 tỷ đồng).

- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: dự toán HĐND tỉnh giao: 226 tỷ đồng, ước thực hiện: 253 tỷ đồng, vượt 12% dự toán giao, do thanh toán từ nguồn năm 2017 chuyển sang năm 2018 (chi đầu tư: 219,5 tỷ đồng, chi thường xuyên: 33,5 tỷ đồng).

2. Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: dự toán HĐND tỉnh giao: 1.992 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018: 3.389 tỷ đồng, tăng 70% so dự toán giao, cụ thể:

- Chi đầu tư theo các chương trình mục tiêu vốn trong nước: dự toán HĐND tỉnh giao 972 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 1.181 tỷ đồng, tăng 21% dự toán, do chi từ nguồn vốn năm 2017 chuyển sang: 198 tỷ đồng và chi từ nguồn Trung ương bổ sung khắc phục lũ lụt năm 2017: 10 tỷ đồng.

- Chi đầu tư theo các chương trình mục tiêu vốn nước ngoài: dự toán HĐND tỉnh giao 489,7 tỷ đồng, ước thực hiện: 489,7 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

- Chi đầu tư từ nguồn vốn Trái phiếu chính phủ: dự toán HĐND tỉnh giao là 363 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018 là 1.350 tỷ đồng, vượt 272% dự toán, do thanh toán từ nguồn số dư kế hoạch vốn năm 2017 chuyển sang năm 2018.

3. Chi thường xuyên từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định: dự toán HĐND tỉnh giao: 166,5 tỷ đồng, ước thực hiện năm 2018: 368,5 tỷ đồng, tăng 121% dự toán giao, do chi từ nguồn Trung ương bổ sung ngoài dự toán năm 2018: 143,6 tỷ đồng (thực hiện quản lý, bảo trì đường bộ: 25,4 tỷ đồng; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp cơ sở vùng Tây Nguyên: 4,7 tỷ đồng; kinh phí thực hiện chính sách bảo hiểm y tế năm 2016: 112,8 tỷ đồng; kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh: 0,7 tỷ đồng); chi từ nguồn năm trước chuyển sang: 58,2 tỷ đồng.

III. CHI CHUYỂN NGUỒN KINH PHÍ SANG NĂM SAU

Tổng chi chuyển nguồn ngân sách năm 2018 chuyển sang năm 2019 ước thực hiện: 3.126 tỷ đồng, trong đó:

1. Nguồn cải cách tiền lương còn thừa chuyển sang năm 2019 tiếp tục quản lý sử dụng: 1.650 tỷ đồng.

2. Nguồn vượt thu ngân sách tỉnh năm 2018 chuyển sang năm 2019 để bố trí tăng vốn đầu tư: 200 tỷ đồng.

(Dự kiến năm 2018, thu nội địa không bao gồm thu sử dụng đất, thu XSKT ngân sách tỉnh vượt thu: 1.143 tỷ đồng, trước mắt sử dụng 200 tỷ đồng, chuyển nguồn sang năm 2019 để bổ sung vốn đầu tư).

3. Nguồn tiết kiệm chi năm 2018 sang năm 2019 là 1.276 tỷ đồng, để bố trí tăng vốn đầu tư: 1.000 tỷ đồng và thực hiện các chính sách Trung ương ban hành: 276 tỷ đồng.

(Kèm biểu đánh giá thực hiện chi NSDP theo cơ cấu chi năm 2018)

C. BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 2018

Ước thực hiện bội chi ngân sách địa phương năm 2018 là 76,3 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

D. CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP

Ước thực hiện chi trả nợ gốc năm 2018 là 74,6 tỷ đồng, đạt 100% dự toán, trong đó chi trả nợ gốc vay ưu đãi để đầu tư kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn: 73,7 tỷ đồng, chi trả nợ gốc dự án cải thiện môi trường đô thị Tam Kỳ: 0,9 tỷ đồng.

D. TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP

Tổng số vay của ngân sách địa phương là 76,3 tỷ đồng, trong đó vay để bù đắp bội chi năm 2018 là 76,3 tỷ đồng.

E. VỀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH THU, CHI NSNN NĂM 2018

1. Những kết quả đạt được

Căn cứ Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018, Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách năm 2018; UBND tỉnh đã giao dự toán thu, chi năm 2018 cho các

cấp, các ngành, địa phương theo đúng quy định, ban hành cơ chế điều hành dự toán ngân sách năm 2018 theo thẩm quyền. Trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách, UBND tỉnh thực hiện theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2018 và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành dự toán thu, chi ngân sách phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Trong công tác thu, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành Thuế, Hải quan, UBND các huyện, thị, thành phố và các cơ quan có liên quan tập trung thu đúng, thu đủ các khoản thu phát sinh vào ngân sách nhà nước, tăng cường quản lý và thu nợ đọng về thuế, tổ chức quản lý tốt các nguồn thu; thực hiện tốt các giải pháp khai thác nguồn thu, chống thất thu trong lĩnh vực đất đai, hoạt động khai thác khoáng sản, kinh doanh bất động sản, hoạt động xăng dầu, vận tải, du lịch, quản lý tốt nguồn thu XDCB vãng lai; đẩy mạnh công tác quảng bá thu hút đầu tư, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp mở rộng đầu tư và đầu tư mới trên địa bàn tỉnh, nhằm giải quyết lao động và tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước..., nhờ vậy kết quả thu NSNN trên địa bàn tỉnh năm 2018 ước thực hiện vượt dự toán.

Nguồn thu nội địa trên các lĩnh vực thu đều có tăng trưởng, cơ cấu nguồn thu có thay đổi tích cực, các khoản thu lớn ngoài ô tô có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn các khoản thu từ ô tô.

Theo quy định tại Nghị quyết số 49/2017/QH 14 ngày 13/11/2017 của Quốc hội khóa XIV về phân bổ ngân sách nhà nước năm 2018 và Thông tư số 132/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 thì nguồn cải cách tiền lương còn dư (sau khi đảm bảo nguồn CCTL và các chính sách an sinh xã hội cho cả lộ trình) được phép sử dụng để đầu tư các dự án theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định trên, năm 2018, tỉnh đã sử dụng 1.962 tỷ đồng nguồn cải cách tiền lương còn dư để bổ sung vốn đầu tư, ưu tiên thanh toán nợ khối lượng dự án hoàn thành, bố trí đủ vốn để đẩy nhanh tiến độ dự án chuyên tiếp, nhờ đó nợ khối lượng XDCB giảm đáng kể, nhiều công trình, dự án được đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2018, một số dự án trọng điểm đảm bảo nguồn để khởi công.

Chi ngân sách địa phương được điều hành cơ bản theo tiến độ thu và bám sát dự toán, công tác giải ngân vốn đầu tư được chú trọng, giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động, chính sách an sinh xã hội, chi hỗ trợ, thăm hỏi gia đình chính sách, người có công, thân nhân liệt sỹ và các đối tượng khác nhân dịp tết Nguyên đán và bổ sung kinh phí để khắc phục và hỗ trợ nhân dân ổn định đời sống, sản xuất do thiên tai.

Trong quá trình điều hành ngân sách đã cắt giảm những khoản chi chưa thật sự cần thiết và qua thẩm tra dự toán, quyết toán đã tiết kiệm so dự toán.

Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch, kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, sai phạm góp phần sử dụng ngân sách nhà nước đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Một số tồn tại, hạn chế trong quản lý, điều hành ngân sách

- Qua phân tích số thu nộp NSNN trên địa bàn tỉnh, thì thu nội địa luôn có tăng trưởng, nguồn thu từ sản xuất kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trong thu NSNN, thể hiện tăng trưởng kinh tế của tỉnh theo hướng tích cực. Tuy nhiên, thu nội địa trên địa bàn tỉnh không bao gồm tiền sử dụng đất và thu XSKT chưa thực sự bền vững, số thu phát sinh từ ô tô Trường Hải chiếm tỷ trọng lớn (chiếm 55,2% tổng thu nội địa), nhưng nguồn thu này chịu tác động lớn bởi chính sách thuế và thị trường; đối với nguồn thu từ hoạt động thủy điện do khô hạn nên sụt giảm so với năm trước.

- Từ năm 2017 về trước, nguồn thu phí tham quan đô thị cổ Hội An, Đền tháp Mỹ Sơn và tiền thuê đất nộp một lần để lại chi theo mục tiêu (phí tham quan để lại chi quản lý và trùng tu, tôn tạo di tích, tiền thuê đất nộp một lần để lại chi đầu tư); từ năm 2018 các nguồn thu trên được tính vào cân đối chung và phải trích 50% để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, dẫn đến ngân sách địa phương gặp khó khăn trong cân đối nguồn để trùng tu, tôn tạo các di tích phố cổ Hội An, Đền tháp Mỹ Sơn và chi đầu tư.

- Công tác thu thuế đã được UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời, ngành thuế đã có nhiều giải pháp tích cực nên nợ đọng thuế có xu hướng giảm dần qua các năm, nhưng vẫn còn lớn (đến tháng 10/2018 còn nợ trên 883 tỷ đồng), do vậy cần phải tập trung quyết liệt để giảm nợ đọng về thuế theo quy định (dưới 5% tổng thu NSNN).

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự chủ động sử dụng nguồn kinh phí được phân bổ ngay từ đầu năm để thực hiện các nhiệm vụ được giao mà còn trông chờ ngân sách tỉnh bổ sung. Công tác quyết toán kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, các nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh... chưa được các địa phương, đơn vị quan tâm, nên còn chậm trễ, ảnh hưởng đến công tác tổng hợp quyết toán chung của toàn tỉnh. Cơ bản công tác quản lý, sử dụng ngân sách được thực hiện theo đúng quy định; tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại, chi sai chế độ chính sách, sai định mức cần phải có giải pháp để khắc phục.

Tóm lại: Trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách năm 2018 vẫn còn một số tồn tại nêu trên, nhưng nhìn chung công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách được thực hiện theo đúng quy định, giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động, chính sách an sinh xã hội, ưu tiên vốn cho đầu tư phát triển, đảm bảo kinh phí thực hiện các Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội của HĐND tỉnh; công tác giải ngân vốn đầu tư được chú trọng; công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, góp phần sử dụng vốn ngân sách hiệu quả hơn.

Phần thứ hai
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN VÀ PHƯƠNG ÁN
PHÂN BỐ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

A. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2019

Năm 2019, tình hình kinh tế - xã hội trong nước có những thuận lợi căn bản như đã tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2018, nền kinh tế vĩ mô được củng cố cùng với sự quyết liệt trong cải cách thủ tục hành chính đã và đang tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội.

Căn cứ Chỉ thị của Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài chính về dự toán năm 2019, Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách năm 2019;

Trên cơ sở kết quả ước thực hiện thu NSNN năm 2018, phân tích các yếu tố tác động và dự báo nguồn thu phát sinh trên địa bàn tỉnh năm 2019; UBND tỉnh xét thấy dự toán thu NSNN năm 2019 Trung ương giao 23.144 tỷ đồng, tăng 17,6% so dự toán năm 2018, trong đó thu nội địa: 18.544 tỷ đồng, tăng 19,8% so dự toán năm 2018 là ở mức cao so với thực lực nguồn thu phát sinh trên địa bàn tỉnh (nguồn thu từ ô tô khó có khả năng tăng trưởng như các năm trước do cạnh tranh với xe ô tô nhập khẩu, thu từ hoạt động thủy điện đang khó khăn do khô hạn...) do vậy UBND tỉnh xây dựng, trình HĐND tỉnh dự toán thu NSNN trên địa bàn tỉnh năm 2019 bằng số Trung ương giao.

I. DỰ TOÁN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2019

Tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2019 là 23.144 tỷ đồng, tăng 17,6% dự toán năm 2018 và tăng 6,4% ước thực hiện năm 2018. Cụ thể như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Số TT	Chi tiêu	DT 2018	ƯTH 2018	DT 2019	DT 2019/DT 2018 (%)	DT 2019/ƯTH 2018 (%)
	Tổng cộng	19.676	21.745	23.144	117,6	106,4
1	Thu nội địa	15.476	17.274	18.544	119,8	107,3
1.1	Thu tiền sử dụng đất	700	912	800	114,3	87,7
1.2	Thu từ XSKT	76	80	85	118,4	106,3
1.3	Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất và thu XSKT.	14.700	16.282	17.659	120,1	108,4
2	Thu xuất nhập khẩu	4.200	4.471	4.600	109,5	102,8

1. Thu nội địa

Dự toán thu nội địa năm 2019 là 18.544 tỷ đồng, tăng 19,8% so dự toán thu nội địa năm 2018 và tăng 7,3% ước thực hiện thu nội địa năm 2018; thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất, thu XSKT: 17.659 tỷ đồng, tăng 20% so dự toán năm 2018 và tăng 8,4 % ước thực hiện năm 2018.

Cụ thể các nguồn thu chủ yếu sau:

a) Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: dự toán năm 2019 là 925 tỷ đồng, tăng 2,6% dự toán và ước thực hiện năm 2018.

Nguồn thu ở khu vực này chủ yếu là số thu nộp từ các doanh nghiệp thủy điện (chiếm 70,2% số thu ở khu vực này), nhưng năng lực sản xuất phụ thuộc rất lớn vào điều kiện thời tiết. Trên cơ sở đánh giá năng lực sản xuất kinh doanh thực tế qua các năm, dự kiến sản lượng phát điện năm 2019 là 3.425 triệu kwh, với số nộp ngân sách 620 tỷ đồng, bằng 96,7% ước thực hiện năm 2018.

b) Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: dự toán năm 2019 là 130 tỷ đồng, bằng dự toán và ước thực hiện năm 2018.

Nguồn thu ở khu vực này có xu hướng giảm do một số doanh nghiệp thực hiện chủ trương cổ phần hóa và thoái vốn không còn vốn nhà nước, một số doanh nghiệp trọng điểm kinh doanh hiệu quả không cao (Đội Yến sào Hội An, Công ty CP công trình GTVT Quảng Nam, Công ty phát triển hạ tầng KCN Chu Lai ...), nên không có tăng trưởng so với năm 2018.

c) Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: dự toán năm 2019 là 1.770 tỷ đồng, tăng 34,8% so dự toán và tăng 11% ước thực hiện năm 2018.

Nguồn thu ở khu vực này có tăng trưởng cao là do hoạt động của Nhà máy Bia Heneiken Việt Nam - Quảng Nam (chiếm 63% số thu ở khu vực này) hoạt động ổn định và có tăng trưởng, dự kiến trong năm 2019 sản lượng tiêu thụ đạt 110 triệu lít và số thuế TTĐB nộp ngân sách đạt 1.200 tỷ đồng; ngoài ra các doanh nghiệp trong khối này đa số hoạt động ổn định và có tiềm năng tăng trưởng.

d) Thu từ khu vực CTN và dịch vụ NQD: dự toán năm 2019 là 12.363 tỷ đồng, tăng 14,8% so dự toán và tăng 9,4% ước thực hiện năm 2018.

Nguồn thu chủ lực trong lĩnh vực này là số thu phát sinh từ hoạt động của Công ty CP Ô tô Trường Hải (chiếm 77,5% số thu khu vực này). Dự báo năm 2019, khi các thủ tục nhập khẩu ô tô du lịch theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP của Chính phủ được đáp ứng, sản lượng xe ô tô du lịch nhập khẩu sẽ tăng, ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ ô tô du lịch sản xuất và lắp ráp của Trường Hải, nên tính dự toán số nộp ngân sách là 9.583 tỷ đồng.

đ) Lệ phí trước bạ: dự toán năm 2019 là 340 tỷ đồng, tăng 36% so dự toán và tăng 12,5% ước thực hiện năm 2018; năm 2019 lệ phí trước bạ xe ô tô, xe máy ổn định và tăng trưởng theo mức tăng thu nhập của người dân và dự báo số thu lệ phí trước bạ nhà đất cũng tăng do mức giá đất xây dựng mới tăng hơn bảng giá đất cũ.

e) Thuế thu nhập cá nhân: dự toán năm 2019 là 500 tỷ đồng, tăng 31,5% so dự toán và tăng 10,6% ước thực hiện năm 2018; năm 2019, điều chỉnh mức lương cơ sở tăng lên 1.490.000 đồng/tháng, nên thuế thu nhập cá nhân tăng; thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản cũng tăng.

g) Thu phí, lệ phí: dự toán năm 2019 là 350 tỷ đồng, tăng 7% ước thực hiện năm 2018, trong đó phí tham quan Đô thị cổ Hội An và Đền tháp Mỹ Sơn là 230 tỷ đồng.

k) Thu tiền sử dụng đất: dự toán năm 2019 là 800 tỷ đồng, tăng 14,3% so dự toán và 87,8% ước thực hiện năm 2018, do dự báo thị trường bất động sản không thuận lợi như năm 2018.

h) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước: Dự toán năm 2019 là 65 tỷ đồng, tăng 18,2% so dự toán năm 2018. Khoản thu này xây dựng dựa trên các quyết định cấp quyền khai thác khoáng sản đã được ban hành.

2. Thu thuế xuất nhập khẩu: dự toán năm 2019 là 4.600 tỷ đồng, tăng 9,5% so dự toán năm 2018 và tăng 2,8% so ước thực hiện năm 2018.

Cụ thể:

- Kế hoạch thu thuế xuất nhập khẩu phát sinh từ Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải năm 2019 là 5.394 tỷ đồng, tăng 4,4% so số phát sinh năm 2018; số hoàn thuế theo chương trình ưu đãi thuế tại Nghị định 125/2017/NĐ-CP của Chính phủ trong năm 2019 dự kiến là 1.100 tỷ đồng, số còn lại nộp vào NSNN là 4.294 tỷ đồng (5.394 tỷ đồng - 1.100 tỷ đồng)

- Các mặt hàng còn lại: máy móc thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất vôi, nguyên vật liệu sản xuất gạch men, hạt nhựa, nhựa đường, bột soda,... số thu là 306 tỷ đồng.

(Kèm biểu dự toán thu NSNN theo lĩnh vực năm 2019)

II. THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Dự toán thu cân đối ngân sách địa phương năm 2019 là 22.616 tỷ đồng. Trong đó:

1. Thu nội địa ngân sách địa phương được hưởng: 16.402 tỷ đồng, gồm:

- Tiền sử dụng đất: 800 tỷ đồng.
- Thu từ hoạt động XSKT: 85 tỷ đồng.
- Thu từ thuế, phí, lệ phí: 15.517 tỷ đồng.

*** Xác định và điều chuyển nguồn thu mới và lớn.**

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (điểm 7, điều 9) có quy định “*Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên. Chính phủ trình Quốc hội, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định thu về ngân sách cấp trên số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới...*”

UBND tỉnh xác định nguồn thu mới và lớn phát sinh trên địa bàn tỉnh năm 2019 so với năm 2017 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách) là 917 tỷ đồng, gồm có các nguồn sau:

- Nguồn thu phát sinh từ nhà máy bia Heneiken Việt Nam - Quảng Nam mở rộng (Điện Bàn) là 864 tỷ đồng.

- Nguồn thu phát sinh từ nhà các nhà máy thủy điện là 53 tỷ đồng: nhà máy thủy điện Đăk Mi 3 (Phước Sơn) 20 tỷ đồng, nhà máy thủy điện Sông Tranh 3 (Tiên Phước) 10 tỷ đồng và nhà máy thủy điện Sông Bung 2 (Nam Giang) 23 tỷ đồng.

Các nguồn thu này được điều tiết theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh; sau khi điều tiết các địa phương trên phải nộp số thu được hưởng về ngân sách tỉnh là 489 tỷ đồng (Thị xã Điện Bàn: 449 tỷ đồng, huyện Tiên Phước: 6 tỷ đồng, huyện Nam Giang: 24 tỷ đồng, huyện Phước Sơn: 10 tỷ đồng).

Như vậy, tổng số thu nội địa ngân sách địa phương được hưởng (không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu XSKT) là 15.517 tỷ đồng, tăng so với dự toán năm 2018: 2.611 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh tăng: 2.178 tỷ đồng.

- Ngân sách cấp huyện (bao gồm cấp xã) tăng: 433 tỷ đồng. Cụ thể:

Có 15 địa phương tăng thu so dự toán năm 2018 là 449,7 tỷ đồng, trong đó các địa phương có số tăng thu cao: Thành phố Hội An tăng 234 tỷ đồng, thành phố Tam Kỳ tăng 77,5 tỷ đồng, huyện Duy Xuyên tăng 41,2 tỷ đồng, thị xã Điện Bàn tăng thu 31,5 tỷ đồng, huyện Núi Thành tăng 17,7 tỷ đồng, huyện Đại Lộc tăng 14,5 tỷ đồng, huyện Nông Sơn 12,5 tỷ đồng.

Có 3 địa phương giảm thu so dự toán năm 2018 là 16,7 tỷ đồng, trong đó huyện Đông Giang giảm thu 15,5 tỷ đồng.

2. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 3.088 tỷ đồng, gồm:

- Vốn thực hiện các chương trình, nhiệm vụ: 2.121 tỷ đồng, trong đó: vốn đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngoài nước: 1.339,5 tỷ đồng (Chương trình Ứng phó BĐKH và Tăng trưởng xanh là 338 tỷ đồng); vốn đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước: 782 tỷ đồng (đầu tư theo ngành lĩnh vực và mục tiêu: 692 tỷ đồng; vốn Trái phiếu Chính phủ: 90 tỷ đồng).

- Vốn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số Chương trình mục tiêu: 166,6 tỷ đồng (vốn ngoài nước: 17,6 tỷ đồng, vốn trong nước: 149 tỷ đồng).

- Vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia: 800,7 tỷ đồng. Chương trình nông thôn mới: 413 tỷ đồng, chương trình giảm nghèo bền vững: 387,7 tỷ đồng.

3. Thu chuyển nguồn: 3.126 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn cải cách tiền lương năm 2018 chưa sử dụng: 1.650 tỷ đồng, chuyển sang năm 2019 để quản lý và sử dụng theo quy định.

- Chuyển nguồn nguồn vượt thu ngân sách tỉnh năm 2018 sang năm 2019, để bổ sung vốn đầu tư: 200 tỷ đồng.

- Nguồn tiết kiệm chi năm 2018 chuyển sang năm 2019: 1.276 tỷ đồng, bao gồm:

+ Chuyển nguồn một số nhiệm vụ chi thực hiện các chế độ chính sách sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện: 276 tỷ đồng. Bao gồm các lĩnh vực: sự nghiệp giáo dục và đào tạo (kinh phí học bổng cho học sinh dân tộc nội trú; chính sách hỗ trợ học sinh ở xã, thôn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP; kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi; kinh phí chi trả học bổng và hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật; kinh phí hỗ trợ học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục đại học; chế độ cho giáo viên theo Nghị định 116/2010/NĐ-CP; kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ...); sự nghiệp y tế (kinh phí mua thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi; kinh phí mua thẻ bảo hiểm cho người nghèo, dân tộc thiểu số vùng khó khăn, người đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, xã đảo...).

+ Chuyển nguồn chi thường xuyên không còn nhiệm vụ chuyển sang năm 2019 để bổ sung vốn đầu tư phát triển: 1.000 tỷ đồng.

B. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chế độ chính sách hiện hành, số thu ngân sách địa phương được hưởng năm 2019, UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019 với các nội dung sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NĂM 2019

1. Cân đối nguồn và nguyên tắc bố trí chi NSDP năm 2019

1.1. Năm 2019 là năm thứ ba của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách thực hiện theo Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh; dự toán chi ngân sách địa phương được xác định trên cơ sở định mức chi năm 2017 (định mức chi đầu tư và định mức chi thường xuyên), có tăng theo định hướng của Trung ương và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đồng thời tăng bổ sung cân đối cho ngân sách các huyện nhận bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh bình quân là 3%.

Tiếp tục, cơ cấu lại ngân sách, ưu tiên dành nguồn lực cho đầu tư phát triển, cân đối đủ nguồn kinh phí để thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh, các chế độ, chính sách về tiền lương và an sinh xã hội theo quy định; dự nguồn để thực hiện diễn tập phòng thủ, các Nghị quyết của HĐND tỉnh sẽ được thông qua kỳ họp cuối năm 2018 (Hỗ trợ cán bộ thôn nghỉ việc do dôi dư khi sắp xếp; Chính sách giảm nghèo đối với hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội và người có công; đề án quản lý bảo vệ rừng; hỗ trợ chế độ đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông là người dân

tộc thiểu số, khuyết tật con của hộ nghèo, cận nghèo; bảo tồn phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số; chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài...); bố trí đủ nguồn để trả nợ vay, lãi vay đến hạn trả; bổ sung vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; bố trí Quỹ dự trữ tài chính và dự phòng theo đúng quy định.

Trong chi thường xuyên được bố trí theo tổ chức bộ máy hiện hành. Sau khi có Quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

1.2. Năm 2019, sử dụng toàn bộ nguồn tiết kiệm chi và một phần vượt thu năm 2018 của ngân sách tỉnh chuyển nguồn sang năm 2019 để bổ sung vốn đầu tư. Sử dụng tăng thu dự toán năm 2019 so dự toán năm 2018 để thực hiện các Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh, tăng chi đầu tư và một phần tăng chi thường xuyên theo định hướng của Trung ương. Cụ thể:

a) Nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không bao gồm tiền sử dụng đất và XSKT) dự toán năm 2019 so với dự toán năm 2018 là 2.611 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh tăng thu: 2.178 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện tăng thu: 433 tỷ đồng.

(1). Sử dụng nguồn tăng thu ngân sách tỉnh (2.178 tỷ đồng):

- Trích 50% để tạo nguồn cải cách tiền lương: 1.089 tỷ đồng, để bố trí chi đầu tư 800 tỷ đồng theo Trung ương giao, còn lại 289 tỷ đồng bổ sung nguồn cải cách tiền lương.

- Số còn lại bố trí chi năm 2019: 1.089 tỷ đồng, được phân bổ:

+ Tăng chi vốn XDCCB tập trung khối tỉnh theo định hướng Trung ương: 33 tỷ đồng (tăng 13% so dự toán năm 2018).

+ Bổ sung thêm vốn đầu tư của ngân sách tỉnh: 200 tỷ đồng.

+ Tăng chi cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo khối tỉnh theo định hướng Trung ương: 213 tỷ đồng.

+ Tăng chi cho sự nghiệp môi trường khối tỉnh theo định hướng của Trung ương: 5 tỷ đồng.

+ Bổ sung cho các địa phương có số tăng thu không đảm bảo nguồn để tăng chi XDCCB 13% so dự toán năm 2018 theo định hướng của Trung ương: 29 tỷ đồng.

+ Bổ sung cho các địa phương có số tăng thu không đảm bảo nguồn để tăng chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo theo định hướng của Trung ương: 33 tỷ đồng.

+ Tăng bổ sung cân đối cho ngân sách cấp huyện bình quân 3%, tương ứng 95 tỷ đồng.

+ Bố trí thực hiện các Nghị quyết của HĐND về phát triển kinh tế - xã hội (bao gồm dự nguồn cho các Nghị quyết ban hành tại kỳ họp cuối năm 2018),

chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh và các chế độ, chính sách Trung ương ban hành địa phương đảm bảo: 481 tỷ đồng.

(Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh và các chế độ chính sách Trung ương ban hành mà địa phương phải bố trí nguồn là 1.084 tỷ đồng, sử dụng nguồn tăng thu năm 2019 là 481 tỷ đồng, còn lại 603 tỷ đồng sử dụng nguồn trong cân đối dự toán năm 2019).

(2). Sử dụng tăng thu ngân sách cấp huyện (433 tỷ đồng), cụ thể:

- Trích 50% để tạo nguồn cải cách tiền lương: 216,5 tỷ đồng, được quản lý tập trung ở ngân sách tỉnh.

- Số còn lại bố trí chi năm 2019: 216,5 tỷ đồng.

+ Tăng chi vốn XDCB tập trung 13% so dự toán năm 2018 theo định hướng của Trung ương: 52 tỷ đồng.

+ Tăng chi cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo theo định hướng của Trung ương: 94 tỷ đồng.

+ Số còn lại bổ sung các nhiệm vụ chi đầu tư và chi thường xuyên.

b) Nguồn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2018 chuyển sang năm 2019 là 1.276 tỷ đồng, sử dụng:

- Bố trí lại cho một số nhiệm vụ chi để thực hiện các chế độ chính sách Trung ương ban hành: 276 tỷ đồng.

- Bố trí trong dự toán năm 2019 để cân đối cho nhiệm vụ chi bổ sung vốn đầu tư phát triển: 1.000 tỷ đồng.

c) Nguồn vượt thu ngân sách tỉnh năm 2018: Ước thực hiện vượt thu ngân sách tỉnh năm 2018 là 1.143 tỷ đồng, trích 50% bổ sung nguồn cải cách tiền lương theo quy định là 571,5 tỷ đồng, số còn lại 571,5 tỷ đồng, trước mắt chuyển nguồn sang năm 2019 để bổ sung vốn đầu tư là 200 tỷ đồng.

1.3. Nguồn thu tiền sử dụng đất: dự toán thu 800 tỷ đồng (ngân sách cấp tỉnh là 214 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện, xã 586 tỷ đồng), sử dụng chi đầu tư, trích lập Quỹ phát triển đất, công tác quản lý đất đai là 800 tỷ đồng.

Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất của ngân sách các cấp sau khi trừ chi phí GPMB, hỗ trợ tái định cư và các chi phí liên quan khác của chính lô đất đó (nếu có), được sử dụng trích Quỹ phát triển đất 20% và bố trí tối đa 10% thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đăng ký biên động, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ; số còn lại sử dụng để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định.

Giao HĐND cấp huyện quy định tỷ lệ phân bổ lại tiền sử dụng đất do cấp huyện quản lý phát sinh trên địa bàn các xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ cho phù hợp với tình hình thực tế ở từng địa phương.

1.4. Nguồn thu từ hoạt động XSKT: Dự toán thu 85 tỷ đồng, bố trí chi đầu tư là 85 tỷ đồng.

Nguồn thu này được bố trí cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên bố trí đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế công lập, Chương trình MTQG nông thôn mới; sau khi đã bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực trên, được bố trí cho các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

1.5. Nguồn thu từ phí tham quan, nguồn thu lợi tức sau thuế từ Yên sào được quản lý sử dụng như sau:

- Nguồn thu phí tham quan sau khi trích 50% tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, số còn lại xem như 100% được sử dụng tối thiểu 70% để tôn tạo di tích, đầu tư kết cấu hạ tầng di tích, đầu tư các công trình hạ tầng du lịch, kiến thiết thị chính; phần còn lại được sử dụng chi hoạt động văn hóa, phục vụ lễ hội, hoạt động quảng bá du lịch, bảo vệ môi trường, hoạt động quản lý, bảo tồn, giữ gìn giá trị các di sản và một số nhiệm vụ khác.

- Nguồn thu lợi tức sau thuế từ khai thác yên sào sau khi trích 50% tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, số còn lại xem như 100% được sử dụng tối thiểu 50% để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị và xã đảo Tân Hiệp, phần còn lại sử dụng chi kiến thiết thị chính, trợ giá, trợ cước, hỗ trợ kinh phí hoạt động xã đảo và bổ sung chi sự nghiệp môi trường.

1.6. Đối với nguồn thu mới và lớn được rút về ngân sách tỉnh (phần điều tiết cho ngân sách cấp huyện), sau khi trích 50% để tạo nguồn cải cách tiền lương, số còn lại xem như 100% bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện bằng 30% để đầu tư cơ sở hạ tầng.

1.7. Đối với tiền thuê đất nộp một lần cho cả thời gian thuê là khoản thu thực hiện cân đối chung ngân sách địa phương (bao gồm chi đầu tư và chi thường xuyên) không để lại chi đầu tư. Tuy nhiên, để tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, năm 2019 ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An, thị xã Điện Bàn và huyện Núi Thành tương ứng 50% số tiền thuê đất nộp một lần cho cả thời gian thuê phát sinh trên địa bàn các địa phương này nộp ngân sách tỉnh để đầu tư các dự án có trong danh mục đầu tư từ nguồn thuê đất nộp một lần trong kế hoạch đầu tư trung hạn theo Nghị quyết của HĐND cấp huyện ban hành trước ngày 01/8/2018.

2. Về quản lý và sử dụng nguồn cải cách tiền lương

Sử dụng các nguồn đây để bổ sung nguồn cải cách tiền lương năm 2019:

- Nguồn cải cách tiền lương còn thừa từ năm 2018 về trước tiếp tục chuyển sang năm 2019 quản lý và sử dụng theo quy định.

- Các cấp ngân sách sử dụng 50% phần vượt thu năm 2018 (số thu nội địa được hưởng thực hiện năm 2018 so dự toán thu năm 2018 tỉnh giao) để tạo nguồn cải cách tiền lương.

- Các cấp ngân sách sử dụng 50% phần tăng thu dự toán năm 2019, so với dự toán năm 2017 tình giao để tạo nguồn CCTL.

- Các huyện, thị xã, thành phố sử dụng 50% nguồn tăng thu giữa dự toán năm 2019 huyện giao so với dự toán năm 2019 tình giao.

- Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện tiết kiệm 10% số chi thường xuyên (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương) của dự toán năm 2019 (trừ các đơn vị sự nghiệp mà ngân sách phân bổ chi thường xuyên theo cơ chế Nhà nước đặt hàng).

- Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp đã tính số thu vào tổng nhu cầu chi thường xuyên) thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu được để lại theo quy định.

- Đối với đơn vị sự nghiệp đã tính số thu vào tổng nhu cầu chi thì thực hiện trích tối thiểu 40% đối với các khoản thu được để lại theo quy định mà vượt dự toán cấp có thẩm quyền giao (đối với đơn vị sự nghiệp y tế trích tối thiểu 35% sau khi trừ thuốc, máu, dịch truyền...).

Ngân sách cấp huyện (bao gồm cấp xã) nộp về ngân sách cấp tỉnh toàn bộ nguồn cải cách tiền lương trích từ tăng thu, vượt thu so dự toán hàng năm để cân đối điều hòa chung toàn tỉnh nhằm thực hiện chính sách tiền lương, an sinh xã hội... .

II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019 là 23.125 tỷ đồng, tăng 15% so với dự toán năm 2018.

1. Chi cân đối ngân sách địa phương

Chi cân đối ngân sách địa phương là 20.037 tỷ đồng, tăng 13,8% so dự toán năm 2018.

a) Chi đầu tư phát triển: dự toán năm 2019 là 4.809 tỷ đồng, tăng 92,3% so với dự toán năm 2018. Gồm:

- Chi đầu tư theo dự án: 4.734 tỷ đồng, tăng 95,5% so với dự toán năm 2018, chủ yếu do tăng vốn XDCB tập trung theo định hướng Trung ương (13%); sử dụng nguồn cải cách tiền lương: 800 tỷ đồng; nguồn tăng thu, vượt thu, tiết kiệm chi: 1.400 tỷ đồng; chi đầu tư từ nguồn bội chi: 509 tỷ. Cụ thể:

+ Chi XDCB vốn tập trung trong nước: 983 tỷ đồng, bằng số Trung ương giao, tăng 13% so với dự toán năm 2018.

+ Chi đầu tư từ phí tham quan: 80,5 tỷ đồng.

+ Chi đầu tư từ nguồn sử dụng đất: 800 tỷ đồng, bằng dự toán thu.

+ Chi từ nguồn thu hoạt động XSKT: 85 tỷ đồng, bằng dự toán thu.

+ Chi đầu tư từ nguồn khác: 3,4 tỷ đồng.

+ Chi đầu tư từ nguồn bội chi: 509 tỷ đồng.

+ Chi đầu tư từ nguồn thu mới được cấp lại: 73,4 tỷ đồng.

+ Chi đầu tư từ nguồn tăng thu, vượt thu, tiết kiệm chi: 1.400 tỷ đồng.

+ Chi đầu tư từ nguồn cải cách tiền lương: 800 tỷ đồng.

- Chi cấp vốn ủy thác để cho vay hộ nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách và bổ sung vốn điều lệ cho các Quỹ: 75 tỷ đồng, gồm:

+ Cấp vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác: 45 tỷ đồng.

+ Quỹ Hợp tác xã: 10 tỷ đồng.

+ Quỹ Hỗ trợ nông dân: 10 tỷ đồng.

+ Quỹ Hỗ trợ ngư dân: 10 tỷ đồng.

b) Chi thường xuyên.

Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2019 là 11.907 tỷ đồng, tăng 3,1% so với dự toán năm 2018 (chưa bao gồm tiền lương tăng thêm theo mức lương cơ sở: 1.390.000 đồng).

Dự toán đã đảm bảo các nhiệm vụ chi theo định mức phân bổ ngân sách, có tăng theo định hướng của Trung ương và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo nguồn thực hiện các chế độ, chính sách, kinh phí để thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Đề án, Chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh, bố trí tăng chi để mua sắm thiết bị y tế, mua sắm bàn ghế, thiết bị dạy và học, sửa chữa trường lớp học, tăng chi kiến thiết thị chính, tăng an ninh, quốc phòng...

Cụ thể như sau:

- Chi Quốc phòng: dự toán chi là 188,8 tỷ đồng, tăng 3,5% so với dự toán năm 2018; trong đó: khối tỉnh chi 72,2 tỷ đồng, khối huyện chi 116,6 tỷ đồng.

Dự toán chi năm 2019 đảm bảo theo định mức phân bổ cho ngân sách huyện, xã và hoạt động thường xuyên của các đơn vị thuộc tỉnh (Bộ Chỉ huy Quân sự, BCH Bộ đội Biên phòng). Ngoài ra, bố trí kinh phí mua trang phục cho lực lượng DQTV với số tiền: 15,57 tỷ đồng. Đảm bảo chế độ, chính sách thực hiện Luật DQTV và Pháp lệnh Dự bị động viên, thực hiện các chế độ, chính sách đối với các tiêu đội trực sẵn sàng chiến đấu tại các xã, phường trọng điểm (tăng 7 xã trọng điểm về quốc phòng so với năm 2018), bao gồm cả dự nguồn kinh phí để diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh và hỗ trợ cho các địa phương thực hiện diễn tập cấp huyện.

- Chi an ninh: dự toán chi là 81,1 tỷ đồng, giảm 1,7% so dự toán năm 2018. Tuy nhiên, nếu dự toán năm 2018 loại trừ số chuyển nguồn năm 2017 chuyển sang năm 2018 để mua sắm trang phục công an xã là 3,7 tỷ đồng và giảm 4 xã trọng điểm về an ninh là 0,3 tỷ đồng, thì dự toán năm 2019 tăng 3,3% so dự toán năm 2018; trong đó: khối tỉnh chi: 31 tỷ đồng, khối huyện chi: 50,1 tỷ đồng.

Dự toán năm 2019 đảm bảo bố trí theo định mức phân bổ cho ngân sách huyện, xã và hoạt động thường xuyên của đơn vị thuộc tỉnh. Ngoài ra, bố trí kinh phí mua trang phục cho lực lượng Công an xã; đảm bảo chế độ, chính sách thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh: chế độ của Ban bảo vệ Tổ dân phố; Công an viên thường trực cấp xã, Kinh phí trực sẵn sàng chiến đấu của các xã trọng điểm an ninh.

- Chi sự nghiệp Giáo dục và đào tạo: Dự toán chi là 4.578,5 tỷ đồng, tăng 5,8 % so dự toán năm 2018 (nếu tính cả kinh phí thực hiện điều chỉnh cải cách tiền lương và các chế độ an sinh xã hội chi từ nguồn cải cách tiền lương thì đảm bảo bằng dự toán Trung ương giao 4.695 tỷ đồng); trong đó: Khối tinh chi: 1.322,7 tỷ đồng, khối huyện chi: 3.255,8 tỷ đồng.

Dự toán năm 2019, đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, chính sách về giáo dục và đào tạo như: hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, hỗ trợ học sinh và trường phổ thông dân tộc bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP, hỗ trợ học bổng học sinh dân tộc nội trú (tỉnh, huyện), học bổng và phương tiện học tập cho học sinh khuyết tật, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ kinh phí tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP; kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định 53/2015/QĐ-TTg; kinh phí đào tạo cán bộ quân sự cấp xã theo Quyết định 799/QĐ-TTg ngày 25/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ... Tiếp tục bố trí kinh phí mua sắm sửa chữa trường lớp học cho các địa phương theo quy định và bổ sung kinh phí hoạt động giáo dục đảm bảo tỷ lệ 82/18 theo mức lương cơ sở 1.390.000 đồng.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: dự toán chi 1.062,3 tỷ đồng, giảm 4,2% so dự toán năm 2018. Tuy nhiên, nếu dự toán năm 2018 loại trừ số chuyển nguồn năm 2017 chuyển sang năm 2018 để bố trí mua thẻ BHYT cho các đối tượng là 160 tỷ đồng, thì dự toán năm 2019 tăng 11,9% so dự toán năm 2018; trong đó: khối tinh chi 967,4 tỷ đồng, khối huyện chi 94,9 tỷ đồng.

Dự toán chi 2019 đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách. Bố trí kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định (Trẻ em, người nghèo, người dân thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội ĐBKK, người dân tộc thiểu số vùng khó khăn, đối tượng thuộc hộ nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình, đối tượng bảo trợ xã hội, học sinh sinh viên, thanh niên xung phong, người tham gia kháng chiến...); kinh phí thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về Chương trình thoát nghèo bền vững tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2018-2020 và các chủ trương, Quyết định có liên quan của UBND tỉnh về y tế, chế độ Bảo hiểm Y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Chi sự nghiệp Khoa học công nghệ: dự toán chi là 40,3 tỷ đồng, bằng dự toán năm 2018, tăng 25,5% so với dự toán Trung ương giao; trong đó khối tinh chi: 33,1 tỷ đồng, khối huyện chi ứng dụng khoa học công nghệ: 7,2 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp Văn hoá thông tin: dự toán chi là 234,4 tỷ đồng, tăng 7,7% so với dự toán năm 2018; trong đó: khối tinh chi: 132,4 tỷ đồng, khối huyện chi: 101,9 tỷ đồng.

Dự toán chi năm 2019 đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách. Chi từ nguồn thu phí tham quan; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị các Trung tâm văn hóa thể thao cấp xã thuộc xã đạt chuẩn Nông thôn mới. Ngoài ra, dự nguồn để thực hiện các Đề án của UBND tỉnh về Ứng

dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh; Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin chuyên ngành, lễ kỷ niệm 20 năm ngày UNESCO công nhận phố cổ Hội An, đền tháp Mỹ Sơn là di sản văn hóa thế giới.

- Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình: dự toán chi là 51,4 tỷ đồng, tăng 6% so dự toán năm 2018, trong đó: khối tỉnh chi 22,5 tỷ đồng, khối huyện chi 28,9 tỷ đồng. Đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách.

- Chi sự nghiệp Thể dục thể thao: dự toán chi là 70,88 tỷ đồng, giảm 18,4% so dự toán năm 2018. Tuy nhiên, dự toán năm 2018 nếu loại trừ kinh phí Đại hội thể dục thể thao: 25 tỷ đồng, thì dự toán năm 2019 tăng 14,6% so với dự toán năm 2018; trong đó: khối tỉnh chi 45,5 tỷ đồng, khối huyện chi 25,38 tỷ đồng.

Dự toán chi năm 2019 đảm bảo các nhiệm vụ phát triển thể dục thể thao quần chúng, đảm bảo kinh phí chế độ, chính sách liên quan đến vận động viên, huấn luyện viên thể thao và dự nguồn kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Chi sự nghiệp Đảm bảo xã hội: dự toán chi là 1.056 tỷ đồng, tăng 3% so với dự toán năm 2018; trong đó: khối tỉnh chi 328 tỷ đồng, khối huyện chi 728 tỷ đồng.

Dự toán chi năm 2019, đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách. Phân bổ thực hiện các chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban hành: Hỗ trợ Tết Nguyên đán và ngày 27/7 cho gia đình chính sách với mức ngày Tết nguyên đán 400.000 đồng/đối tượng, ngày 27/7 mức 300.000 đồng/đối tượng; kinh phí trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc; Trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2014/NĐ-CP; trợ cấp hằng tháng cho thanh niên xung phong; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách, kinh phí để thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Đề án của UBND tỉnh như: chương trình thoát nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020; hỗ trợ kinh phí cho đội công tác xã hội tình nguyện. Ngoài ra, còn dự nguồn thực hiện chính sách hỗ trợ cho người nghèo thuộc hộ gia đình người có công cách mạng và hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội theo Nghị quyết của HĐND tỉnh...

- Chi sự nghiệp kinh tế: dự toán chi: 2.110 tỷ đồng, tăng 3,7% so với dự toán năm 2018; trong đó: khối tỉnh chi: 738 tỷ đồng, khối huyện chi: 1.372 tỷ đồng.

Dự toán chi năm 2019, đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách (bao gồm cả kinh phí thực hiện điều chuyển 18 Trung tâm phát triển quỹ đất về cấp huyện quản lý) và cân đối thực hiện các đề án, Nghị quyết của HĐND tỉnh. Dự toán phân bổ thực hiện các chính sách có liên quan như: Đề án phát triển cây dược liệu, phát triển Sâm Ngọc Linh, kinh phí cấp bù thủy lợi phí; kinh phí hỗ trợ sản xuất đất lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP; chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa; kinh phí bảo trì đường bộ; kinh phí duy trì chuẩn ở các xã đạt chuẩn nông thôn mới và hỗ trợ khu dân cư kiểu mẫu; kinh

phí thực hiện Nghị quyết hỗ trợ khuyến khích thoát nghèo bền vững tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016-2020...

Ngoài ra, dự nguồn để thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Đề án của UBND tỉnh và các chế độ Trung ương ban hành mà ngân sách địa phương phải đảm bảo như: Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích, hỗ trợ nuôi trồng thủy sản; Nghị quyết 12/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về đào tạo lao động cho các dự án trọng điểm; Chương trình mục tiêu quốc gia về Nông thôn mới và giảm nghèo bền vững...

- Chi sự nghiệp Môi trường: dự toán chi là 176 tỷ đồng, tăng 2,8% so với dự toán năm 2018, bằng dự toán Trung ương giao, trong đó có bố trí tăng thêm cho khối xã so với năm trước để chi bảo vệ môi trường và dự nguồn để chi phí đốt rác thải; bao gồm: Khối tỉnh chi 92 tỷ đồng, khối huyện chi 84 tỷ đồng. Đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách.

- Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: dự toán chi là 2.191 tỷ đồng, tăng 2% so với dự toán năm 2018; trong đó: khối tỉnh chi 585 tỷ đồng, khối huyện chi 1.606 tỷ đồng. Đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách, đồng thời có bổ sung thêm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh và hoạt động cho các đoàn thể cấp xã mỗi xã 10 triệu đồng.

- Chi khác: Dự toán chi là 64 tỷ đồng, bằng dự toán năm 2018; trong đó: Khối tỉnh chi 41 tỷ đồng, khối huyện chi 23 tỷ đồng.

c) Chi trả lãi do chính quyền địa phương vay: 13,9 tỷ đồng, theo số phát sinh.

d) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1,45 tỷ đồng, bằng dự toán năm 2018.

đ) Chi dự phòng ngân sách: 576 tỷ đồng, tăng 12,5% so với dự toán năm 2018, bằng 2,49% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó: ngân sách tỉnh là 467 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện, cấp xã: 109 tỷ đồng.

e) Chi cải cách tiền lương: 2.729 tỷ đồng. Trong đó:

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 2.128 tỷ đồng.

- Chi từ nguồn cải cách tiền lương: 601 tỷ đồng.

2. Chi từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu

Tổng chi từ nguồn ngân sách Trung ương: 3.088 tỷ đồng, trong đó:

a) Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia là 800,7 tỷ đồng (vốn đầu tư là 660,4 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 140,3 tỷ đồng), trong đó:

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 387,7 tỷ đồng (vốn đầu tư là 350,1 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 37,6 tỷ đồng).

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 413 tỷ đồng (vốn đầu tư là 310,3 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 102,7 tỷ đồng).

b) Chi đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ là 2.121 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn nước ngoài: 1.339 tỷ đồng.

- Vốn trong nước: 782 tỷ đồng (Đầu tư lĩnh vực, ngành và mục tiêu khác là 692 tỷ đồng, vốn TPCP 90 tỷ đồng).

c) Chi thực nhiệm vụ thường xuyên: 166,6 tỷ đồng (Vốn nước ngoài 17,6 tỷ đồng; vốn trong nước là 149 tỷ đồng).

(Kèm theo biểu dự toán chi NSDP theo cơ cấu chi năm 2019)

C. BỘI CHI NSDP

- Tổng thu NSDP được hưởng ước thực hiện: 22.616 tỷ đồng.

- Tổng chi NSDP ước thực hiện: 23.125 tỷ đồng.

- Bội chi NSDP là 509 tỷ đồng (23.125 tỷ đồng - 22.616 tỷ đồng).

D. CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP

Dự toán chi trả nợ gốc năm 2019 là 55,7 tỷ đồng, trong đó: chi trả nợ gốc vay ưu đãi để đầu tư kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn: 48,8 tỷ đồng, chi trả nợ gốc vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước: 6,9 tỷ đồng (dự án cải thiện môi trường đô thị Tam Kỳ: 0,5 tỷ đồng, dự án Cải thiện môi trường đô thị Chu Lai, Núi Thành: 6,4 tỷ đồng).

Đ. TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP

1. Hạn mức dư nợ vay tối đa theo quy định (30% số thu nội địa được hưởng): 4.920 tỷ đồng.

2. Tổng mức vay của ngân sách địa phương: 509 tỷ đồng, trong đó vay để bù đắp bội chi của NSDP là 509 tỷ đồng. Trong đó vay để đầu tư:

- Dự án Cải thiện môi trường đô thị Chu Lai Núi Thành: 17 tỷ đồng.

- Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP): 26,5 tỷ đồng.

- Dự án Sửa chữa nâng cao an toàn đập: 17 tỷ đồng.

- Dự án Phát triển môi trường, đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An: 357,6 tỷ đồng.

- Dự án Phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk - Tiểu dự án thành phố tỉnh Quảng Nam: 86 tỷ đồng.

- Dự án liên kết vùng miền Trung tỉnh Quảng Nam: 4,9 tỷ đồng.

E. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO PHÂN CẤP NGÂN SÁCH

I. NGÂN SÁCH TỈNH TRỰC TIẾP CHI: 13.656,09 tỷ đồng.

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 10.567,52 tỷ đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 3.656,15 tỷ đồng.

- Chi thường xuyên: 4.411,19 tỷ đồng.

- Chi trả nợ lãi các khoản vay: 13,98 tỷ đồng.

- Chi lập Quỹ dự trữ tài chính: 1,45 tỷ đồng.

- Dự phòng ngân sách: 466,72 tỷ đồng.

- Chi tạo nguồn và chi từ nguồn cải cách tiền lương: 2.018,03 tỷ đồng.
- 2. Chi các chương trình mục tiêu: 3.088,57 tỷ đồng.

**II. NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN:
5.567,01 tỷ đồng**

- Bổ sung cân đối ngân sách: 2.871,04 tỷ đồng.
- Bổ sung có mục tiêu: 2.695,97 tỷ đồng.

(Chưa bao gồm vốn đầu tư; vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2019; kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh ban hành cuối năm 2018).

III. NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN TRỰC TIẾP CHI: 9.469,25 tỷ đồng.

(Chưa bao gồm vốn đầu tư; vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2019; kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh ban hành cuối năm 2018).

- Chi đầu tư phát triển: 1.153,06 tỷ đồng.
- Chi thường xuyên: 7.495,36 tỷ đồng.
- Dự phòng ngân sách: 109,45 tỷ đồng.
- Chi tạo nguồn và chi từ nguồn cải cách tiền lương: 711,37 tỷ đồng.

**G. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN
NĂM 2019**

Năm 2019 là năm thứ ba của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 và cũng là năm thứ ba tỉnh Quảng Nam tự cân đối ngân sách, có điều tiết về ngân sách Trung ương, theo quy định thì ngân sách địa phương phải tự cân đối nguồn để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chi theo phân cấp, nên việc quản lý và điều hành ngân sách năm 2019 tiếp tục có những khó khăn nhất định; số thu nội địa trên địa bàn đã ở mức cao, nguồn thu chủ lực từ ô tô khó có khả năng tăng trưởng cao như các năm trước, nguồn thu từ hoạt động thủy điện giảm do khô hạn, nguồn thu mới chưa phát sinh lớn, trong khi đó nhu cầu chi phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội rất lớn, đặc biệt nhiệm vụ chi giảm nghèo, chi hỗ trợ gia đình chính sách, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Vì vậy, trong năm 2019 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách, tỉnh phải phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi để đảm bảo cân đối ngân sách, tăng nguồn lực cho đầu tư phát triển, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng.

Để triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019, UBND tỉnh yêu cầu các ngành, các cấp tập trung tổ chức thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

1. Về công tác quản lý thu ngân sách nhà nước

- Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách, pháp luật bằng nhiều hình thức, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản

xuất, kinh doanh nắm bắt kịp thời, đầy đủ các chính sách pháp luật về thuế; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế.

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ để thúc đẩy sản xuất, tạo mọi điều kiện thuận lợi và hỗ trợ về thủ tục đất đai, giải phóng mặt bằng, đảm bảo an ninh trật tự... để đẩy nhanh tiến độ dự án đầu tư trên địa bàn, sớm đưa các dự án vào hoạt động, tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách; tập trung các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, dạy nghề, thể thao và môi trường theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP của Chính phủ; tổ chức gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh; cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ đào tạo lao động, tiếp cận vốn; đồng thời tăng cường công tác thu hút đầu tư, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển; ưu tiên thu hút các dự án giải quyết được nhiều lao động, tạo số thu ngân sách lớn, ít ảnh hưởng đến môi trường.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế; quản lý chặt chẽ công tác hoàn thuế, đảm bảo hoàn thuế đúng đối tượng và chế độ hiện hành, kiên quyết xử lý các trường hợp trốn, gian lận thuế, chảy ỳ về nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt các giải pháp khai thác nguồn thu, chống thất thu trên lĩnh vực đất đai, hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản, hoạt động xăng dầu, kinh doanh bất động sản, quản lý tốt nguồn thu XDCB vãng lai; tiếp tục vận động các doanh nghiệp có dự án khai thác, vận hành trên địa bàn tỉnh thành lập pháp nhân, kê khai thuế, nộp thuế tại tỉnh Quảng Nam để tăng thu ngân sách.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức điều hành ngân sách bám sát tiến độ thu và dự toán được giao; định kỳ hằng quý đánh giá tiến độ thu, dự báo khả năng thu NSNN để chủ động điều hành chi ngân sách theo quy định.

- Cơ quan Thuế, Hải quan, Tài chính thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thu ngân sách, tiến độ thu ngân sách, phân tích, đánh giá tác động của các chính sách thuế, cũng như những tác động của thị trường ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước, đặc biệt là nguồn thu từ hoạt động ô tô, bia, thủy điện..., kịp thời tham mưu UBND tỉnh xem xét chỉ đạo phù hợp.

- Kho bạc nhà nước các cấp phối hợp với cơ quan tài chính tổ chức tốt việc thu nộp, điều tiết các khoản thu vào ngân sách nhà nước của từng cấp ngân sách, từng địa phương theo đúng quy định.

2. Phân bổ và điều hành dự toán chi ngân sách địa phương

- Các cấp ngân sách triển khai phân bổ dự toán ngân sách cấp mình và giao dự toán ngân sách cấp dưới đúng thời gian quy định (trước ngày 31/12/2018), trong đó lưu ý: bố trí trích tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, phân bổ đủ vốn để thực hiện nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu, bố trí kinh phí tăng chi cho xây dựng cơ bản tập trung, sự nghiệp giáo dục - đào tạo,

môi trường, khoa học công nghệ, dự phòng ngân sáchtheo định hướng của Trung ương, của tỉnh.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về ngân sách nhà nước, từng bước cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư hợp lý, giảm tỷ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới khu vực dịch vụ công lập và sắp xếp lại bộ máy hành chính. Cơ cấu lại chi thường xuyên trong từng lĩnh vực, đảm bảo kinh phí thực hiện các Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội của HĐND tỉnh, các chế độ chính sách về tiền lương, về an sinh xã hội, đảm bảo nhiệm vụ chi quốc phòng, an ninh; giảm chi tiêu hội nghị, tiếp khách, đoàn ra, đoàn vào...

- Tổ chức điều hành chi ngân sách theo tiến độ thu và bám sát dự toán chi, định kỳ hằng quý đánh giá khả năng thu ngân sách để chủ động điều hành chi; chủ động sử dụng ngân sách địa phương xử lý các trường hợp thiên tai, dịch bệnh phát sinh, sắp xếp nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ quan trọng để điều hành; theo dõi chặt chẽ tiến độ thu, chủ động cắt giảm chi tiêu và sử dụng các nguồn vốn khác trong trường hợp thu không đạt dự toán.

- Quản lý chi ngân sách chặt chẽ, hiệu quả; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát chi, kiên quyết không giải ngân, không quyết toán những khoản chi không đúng chế độ, chính sách, không có trong dự toán. Đối với nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu, phải được thực hiện và quyết toán đúng nội dung mục tiêu, không sử dụng cho mục đích khác.

- Tiếp tục triển khai công tác cải cách hành chính, tập trung xây dựng và triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính. Đẩy mạnh công tác triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, tiếp tục cổ phần hóa các doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình.

- Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển nguồn NSNN phải thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn; rà soát, đánh giá lại kế hoạch đầu tư công trung hạn, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu phát triển và kế hoạch vốn.

Trong phân bổ vốn đầu tư, ưu tiên bố trí vốn hoàn trả nợ đọng, thu hồi dứt điểm các khoản ứng trước, đảm bảo đủ vốn thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành, trả nợ gốc đến hạn, vốn đối ứng ODA, vốn thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP), sau đó mới bố trí cho các dự án chuyển tiếp và khởi công mới khi đủ thủ tục đầu tư theo quy định. Đối với nguồn vốn bổ sung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu được phân bổ theo đúng mục tiêu và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Tập trung giải ngân vốn đầu tư, thanh toán tạm ứng vốn đầu tư theo tiến độ, đúng quy định hiện hành, theo dõi tình hình giải ngân của từng dự án, để có

kế hoạch điều chỉnh phù hợp, đảm bảo giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư trong năm 2019; kiểm soát chặt chẽ nợ đầu tư công.

- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn cải cách tiền lương để đảm bảo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo lộ trình, thực hiện các chính sách an sinh xã hội và bổ sung vốn đầu tư theo quy định.

- Các cấp ngân sách bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

- Chỉ tham mưu trình HĐND ban hành Nghị quyết về các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội khi đảm bảo cân đối được nguồn vốn.

Phần thứ ba
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2019-2021

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội các năm 2019, 2020 và 2021 của địa phương; trên cơ sở đánh giá ước thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 và dự toán năm 2019, UBND tỉnh Quảng Nam lập kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm 2019-2021 với các nội dung như sau:

I. DỰ BÁO THU NSNN, NHIỆM VỤ CHI GIAI ĐOẠN 2019 -2021

1. Dự báo thu NSNN giai đoạn 2019-2021

- Dự báo tình hình kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước nói chung, tỉnh Quảng Nam nói riêng giai đoạn 2019 - 2021 tiếp tục tăng trưởng, thị trường tài chính tiền tệ ổn định, an sinh xã hội được đảm bảo, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững nên có nhiều thuận lợi trong việc động viên các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và nộp ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, dự báo tình hình kinh tế thế giới và khu vực diễn biến khó lường, xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn (Mỹ, Trung Quốc...) diễn biến phức tạp, tác động đến tình hình kinh tế cả nước nói chung, tỉnh Quảng Nam nói riêng.

- Trong giai đoạn 2019-2021, trên địa bàn tỉnh không có nguồn thu mới phát sinh làm tăng thu ngân sách lớn.

- Nguồn thu từ hoạt động sản xuất và lắp ráp ô tô Trường Hải là nguồn thu chủ lực của ngân sách tỉnh Quảng Nam; dự báo trong giai đoạn 2019-2021, do thị trường có sự cạnh tranh giữa dòng xe nhập khẩu và dòng xe lắp ráp trong nước nên nguồn thu này dự kiến khó lường và không có tăng trưởng lớn; nguồn thu từ hoạt động thủy điện phụ thuộc vào yếu tố thời tiết thường không ổn định.

- Các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, du lịch dự báo tiếp tục có tăng trưởng nhưng mức độ tăng không đột biến nên nguồn thu trên lĩnh vực này có tăng trưởng nhưng không lớn.

Từ các dự báo trên và căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 54/2018/TT-BTC, UBND tỉnh dự báo các nguồn thu NSNN trên địa bàn tỉnh Quảng Nam tăng bình quân 8,5%/năm trong giai đoạn 2019-2021.

2. Dự báo nhiệm vụ chi giai đoạn 2019-2021

- Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, hộ nghèo giảm; thực hiện giao quyền tự chủ về tài chính, tổ chức, biên chế cho các đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện chủ trương tinh giản biên chế theo lộ trình, triển khai thực hiện sắp xếp lại bộ máy hành chính... nên chi thường xuyên dự báo không tăng lớn.

- Ngân sách tỉnh Quảng Nam tự cân đối và có điều tiết về ngân sách Trung ương, nên phải tự cân đối nguồn để bố trí các nhiệm vụ chi theo định mức (chi đầu tư và chi thường xuyên), cũng như thực hiện các chế độ, chính sách an

sinh xã hội, hoàn trả các khoản vay và vay lại nên việc tổ chức, thực hiện, điều hành, cân đối ngân sách có những khó khăn nhất định.

- Dự báo nguồn CCTL của ngân sách địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, sau khi thực hiện tăng lương và thực hiện chính sách an sinh xã hội tăng thêm theo quy định sẽ còn dư, địa phương thực hiện bổ sung vốn đầu tư trong các năm 2019, 2020.

- Trong phân bổ ngân sách tiếp tục thực hiện:

+ Phân bổ vốn đầu tư ưu tiên bố trí vốn thu hồi ứng trước ngân sách, thanh toán nợ khối lượng hoàn thành, bố trí đủ vốn bồi thường, GPMB, đối ứng các dự án, bố trí vốn cho công trình chuyên tiếp, vốn cho dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm, còn lại mới bố trí vốn cho dự án mới khi đủ thủ tục.

+ Đối với các nguồn thu để lại chi theo mục tiêu (tiền sử dụng đất, thu XSKT) được để lại chi theo mục tiêu.

+ Trong chi thường xuyên, tăng chi cho sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp khoa học công nghệ, dự phòng ngân sách theo định hướng của Trung ương.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2019 – 2021

1. Thu NSNN giai đoạn 2019-2021

Tổng thu NSNN trên địa bàn giai đoạn 2019-2021 là 75.511 tỷ đồng, trong đó: thu NSNN năm 2019 là 23.144 tỷ đồng, thu NSNN năm 2020 là 25.105 tỷ đồng, thu NSNN năm 2021 là 27.262 tỷ đồng, bao gồm:

a) Thu nội địa: Thu nội địa đảm bảo tốc độ tăng bình quân 9,6%/năm.

Dự kiến thu nội địa trên địa bàn giai đoạn 2019-2021 là 61.152 tỷ đồng, trong đó: thu NSNN năm 2019 là 18.544 tỷ đồng, thu NSNN năm 2020 là 20.321 tỷ đồng, thu NSNN năm 2021 là 22.287 tỷ đồng.

Một số lĩnh vực thu chủ yếu, như sau:

- Thu từ DN nhà nước Trung ương:

Nguồn thu ở lĩnh vực này chủ yếu là nguồn thu từ hoạt động các nhà máy thủy điện; trong giai đoạn này chủ yếu khai thác các dự án thủy điện đã hoàn thành đưa vào phát điện, không phát sinh dự án mới; mặt khác nguồn thu từ hoạt động thủy điện có tính đặc thù, năng lực sản xuất phụ thuộc rất lớn vào điều kiện thời tiết, nên xây dựng tăng thu ở khu vực này 5% là phù hợp với tình hình thực tế.

+ Dự kiến thu từ DN nhà nước Trung ương năm 2020 là 971 tỷ đồng.

+ Dự kiến thu từ DN nhà nước Trung ương năm 2021 là 1.120 tỷ đồng.

- Thu từ Doanh nghiệp nhà nước địa phương:

Các doanh nghiệp trọng điểm hoạt động trong khu vực này không có tăng trưởng (Đội Yến sào chiếm tỷ trọng lớn, sản lượng khai thác giảm, giá bán giảm dần, thị trường tiêu thụ gặp khó khăn; các doanh nghiệp khác hoạt động tăng trưởng không lớn). Mặt khác, khi thực hiện cổ phần hóa và thoái vốn không còn là doanh nghiệp nhà nước, nên dự báo thu ở khu vực này không có tăng trưởng, số thu các năm 2020, năm 2021 bằng số thu dự toán năm 2019 (130 tỷ đồng).

- Thu từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

Nguồn thu chủ yếu ở lĩnh vực này là số thu nộp ngân sách của nhà máy Bia Heneiken Việt Nam- Quảng Nam, hoạt động của nhà máy bia ổn định và có tăng trưởng, ngoài ra còn có sự đóng góp của các đơn vị sản xuất phân phối nước giải khát, may mặc, dịch vụ sân golf,... duy trì được mức tăng trưởng khá, nên dự báo tăng thu ở khu vực này bình quân 12%/năm.

+ Dự kiến thu DN có vốn đầu tư nước ngoài năm 2020 là 1.982 tỷ đồng.

+ Dự kiến thu DN có vốn đầu tư nước ngoài năm 2021 là 2.220 tỷ đồng.

- Thu từ khu vực CTN- DV- NQD:

Đây là khu vực thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nội địa, trong đó: nguồn thu chủ yếu phát sinh từ Tập đoàn sản xuất lắp ráp ô tô Chu Lai - Trường Hải (chiếm khoảng 77% số thu ở khu vực này).

Dự báo trong các năm 2019-2021, các thủ tục nhập khẩu ô tô du lịch theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP của Chính phủ dần được đáp ứng, nên sản lượng xe ô tô du lịch nhập khẩu tăng dần, đặc biệt ô tô du lịch nhập khẩu hưởng thuế suất thuế nhập khẩu 0% từ các nước ASEAN tăng mạnh, cạnh tranh với xe ô tô du lịch sản xuất trong nước, dẫn đến sản lượng tiêu thụ ô tô du lịch sản xuất trong nước nói chung, ô tô Trường Hải nói riêng bị ảnh hưởng, nên tăng trưởng không lớn; vì vậy, tình dự báo nguồn thu ở khu vực này tăng trưởng bình quân 10,4%/năm.

+ Dự kiến thu từ khu vực CTN- DV- NQD năm 2020 là 13.655 tỷ đồng.

+ Dự kiến thu từ khu vực CTN- DV- NQD năm 2021 là 15.082 tỷ đồng.

- Thu lệ phí trước bạ:

Dự kiến năm 2020, 2021 thu nhập của người dân tăng, xe ô tô có mức giá phù hợp nên số lượng người sở hữu ô tô tăng, dự kiến tăng trưởng 12%/năm.

+ Dự kiến thu lệ phí trước bạ năm 2020 là 381 tỷ đồng.

+ Dự kiến thu lệ phí trước bạ năm 2021 là 427 tỷ đồng.

- Thuế thu nhập cá nhân:

Nguồn thu này dự kiến trên cơ sở dự kiến GRDP tăng trưởng khoảng 6,8%/năm, dự kiến đối tượng nộp thuế tăng, dự kiến tăng trưởng 12%/năm.

+ Dự kiến thuế thu nhập cá nhân năm 2020 là 560 tỷ đồng.

+ Dự kiến thuế thu nhập cá nhân năm 2021 là 627 tỷ đồng.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:

Với tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2019-2021, dự kiến số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu giai đoạn 2019-2021 tăng bình quân 4%/năm, số tăng chủ yếu là số thu từ các mặt hàng nhập khẩu của Công ty ô tô Trường Hải (chiếm 94% tổng thu xuất nhập khẩu).

+ Dự kiến thu thuế xuất nhập khẩu năm 2020 là 4.784 tỷ đồng.

+ Dự kiến thu thuế xuất nhập khẩu năm 2021 là 4.975 tỷ đồng.

2. Cân đối nguồn thu, dự toán chi ngân sách giai đoạn 2019-2021

a) Dự toán thu cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2019-2021

Tổng thu cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2019-2021 là 69.732 tỷ đồng, trong đó năm 2019 là 22.616 tỷ đồng, năm 2020 là 22.865 tỷ đồng, năm 2021 là 24.251 tỷ đồng. Gồm:

- Theo quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia trên địa bàn tỉnh hiện hành, thì thu nội địa cân đối ngân sách địa phương được hưởng trong giai đoạn 2019- 2021 là 54.083 tỷ đồng, trong đó năm 2019 là 16.402 tỷ đồng, năm 2020 là 17.967 tỷ đồng (tăng 9,5% so với năm 2019), năm 2021 là 19.714 tỷ đồng (tăng 9,7% so với năm 2020).

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương giai đoạn 2019 - 2021 là 10.223 tỷ đồng, trong đó năm 2019 là 3.088 tỷ đồng, năm 2020 là 3.397 tỷ đồng, năm 2021 là 3.737 tỷ đồng (dự kiến tăng 10% so với năm trước).

- Thu chuyên nguồn ngân sách giai đoạn năm 2019 - 2021 là 5.426 tỷ đồng (chủ yếu là nguồn CCTL), trong đó năm 2019 là 3.126 tỷ đồng, năm 2020 là 1.500 tỷ đồng, năm 2021 là 800 tỷ đồng.

b) Dự toán chi NSNN giai đoạn 2019-2021

Tổng chi NSDP giai đoạn 2019-2021 là 71.190 tỷ đồng, trong đó năm 2019 là 23.125 tỷ đồng, năm 2020 là 23.332 tỷ đồng, năm 2021 là 24.733 tỷ đồng. Trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh chi là 41.369 tỷ đồng, năm 2019 chi là 13.656 tỷ đồng, năm 2020 là 13.404 tỷ đồng, năm 2021 là 14.309 tỷ đồng.

- Ngân sách cấp huyện, cấp xã chi là 29.821 tỷ đồng, năm 2019 chi là 9.469 tỷ đồng, năm 2020 là 9.928 tỷ đồng, năm 2021 là 10.424 tỷ đồng.

3. Dự kiến bội chi NSNN giai đoạn 2019-2021

- Tổng thu cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2019-2021 là 69.732 tỷ đồng, trong đó năm 2019 là 22.616 tỷ đồng, năm 2020 là 22.865 tỷ đồng, năm 2021 là 24.251 tỷ đồng

- Tổng chi NSDP giai đoạn 2019-2021 là 71.190 tỷ đồng, trong đó năm 2019 là 23.125 tỷ đồng, năm 2020 là 23.332 tỷ đồng, năm 2021 là 24.733 tỷ đồng.

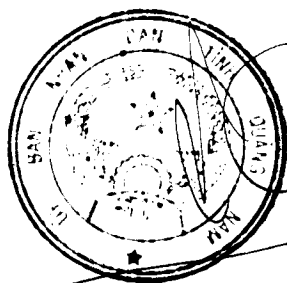
- Bội chi ngân sách giai đoạn 2019-2021 là 1.458 tỷ đồng, trong đó năm 2019 là 509 tỷ đồng, năm 2020 là 467 tỷ đồng, năm 2021 là 482 tỷ đồng.

UBND tỉnh Quảng Nam báo cáo và kính trình HĐND tỉnh xem xét. *ka*

Nơi nhận:

- TT TƯ, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, NC, TH, KTN KTHH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Dinh Văn Thu
Dinh Văn Thu

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 27/11 /2018 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	23.521.325	31.102.125	132%	110%
I	Thu cân đối NSNN	19.676.000	21.745.450	111%	110%
1	Thu nội địa	15.476.000	17.274.450	112%	120%
2	Thu từ dầu thô	0	0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	4.200.000	4.471.000	106%	85%
4	Thu viện trợ	0	0		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	3.845.325	9.356.675	243%	95%
B	TỔNG CHI NSDP	20.067.870	25.933.251	129%	101%
I	Tổng chi cân đối NSDP	17.603.196	18.917.693	107%	136%
1	Chi đầu tư phát triển	2.501.387	4.419.899	177%	91%
2	Chi thường xuyên	11.543.671	11.738.727	102%	131%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	11.901	11.901	100%	0%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450	1.450	100%	100%
5	Chi dự phòng ngân sách	512.325	312.325	61%	656%
6	Chi cải cách tiền lương	3.032.462	2.433.391	80%	1396%
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.464.674	3.889.558	158%	168%
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		3.126.000		33%
C	BỘI CHI NSDP	76.300	76.300	100%	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	74.653	74.653	100%	

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
(Kèm theo Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 27/11 /2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	19.676.000	21.745.450	111%	110%
I	Thu nội địa	15.476.000	17.274.450	112%	120%
1	Thu từ khu vực DNNN	1.031.900	1.031.900	100%	85%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.313.000	1.591.000	121%	173%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	10.766.100	11.300.260	105%	123%
4	Thuế thu nhập cá nhân	380.000	452.210	119%	123%
5	Thuế bảo vệ môi trường	430.000	400.000	93%	101%
6	Lệ phí trước bạ	250.000	302.250	121%	125%
7	Các loại phí, lệ phí	100.000	326.700	327%	116%
8	Các khoản thu về nhà, đất	864.000	1.301.030	151%	95%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	4.000	9.900	248%	148%
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	821.000	911.750	111%	84%
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	39.000	374.110	959%	141%
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>		5.270		57%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	55.000	74.000	135%	113%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	76.000	80.000	105%	106%
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác, thu khác ngân sách xã	40.000	15.100	38%	25%
13	Thu khác ngân sách	170.000	400.000	235%	207%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	4.200.000	4.471.000	106%	85%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	2.200.000	2.470.000	112%	88%
2	Thuế xuất khẩu				

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
3	Thuế nhập khẩu	2.000.000	2.001.000	100%	81%
4	Thuế tiêu tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				0%
6	Thu khác				0%
III	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	13.681.572	15.360.449	112%	120%
1	Từ các khoản thu phân chia	11.792.772	12.643.209	107%	128%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.888.800	2.717.240	144%	94%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	20.067.870	25.933.251	129%	101%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	17.603.196	18.917.693	107%	136%
I	Chi đầu tư phát triển	2.501.387	4.419.899	177%	69%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.421.387	4.339.899	179%	91%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính, đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	-	-		
3	Chi cấp vốn điều lệ cho các Quỹ	80.000	80.000	100%	55%
4	Chi đầu tư phát triển khác	-	-		
II	Chi thường xuyên	11.543.671	11.738.727	102%	131%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4.328.909	4.364.916	101%	138%
	- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.109.456	1.158.113	104%	138%
	- Chi SN khoa học và công nghệ	40.290	77.940	193%	274%
	- Chi SN văn hóa thông tin	217.724	218.618	100%	126%
	- Chi SN phát thanh, truyền hình	48.417	48.526	100%	91%
	- Chi SN thể dục thể thao	86.851	87.109	100%	143%
	- Chi SN đảm bảo xã hội	1.025.896	1.026.278	100%	123%
	- Chi SN kinh tế	2.034.780	2.054.141	101%	192%
	- Chi SN bảo vệ môi trường	171.528	137.471	80%	83%
	- Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	2.150.852	2.208.149	103%	98%
	- Chi khác	63.902	80.913	127%	73%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	11.901	11.901	100%	
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.450	1.450	100%	100%
V	Chi dự phòng ngân sách	512.325	312.325	61%	656%
VI	Chi cải cách tiền lương	3.032.462	2.433.391	80%	1396%
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	2.464.674	3.889.558	158%	168%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	472.921	499.787	106%	105%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.825.177	3.021.225	166%	235%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	166.576	368.546	221%	66%
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		3.126.000		33%